

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO BẰNG
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 30 /7/2019

V/v: *Xin ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG - CAO BẰNG**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bế Lan Phương

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Đinh Văn Hải

Ông Lã Văn Luật

Thư ký phiên tòa: ông Lý Xuân Huy - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng: Bà Trương Thị Nha - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 7 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2019/TLST- HNGĐ ngày 23/01/2019 về việc Xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Hứa Thị H - sinh năm 1969;

Địa chỉ: tổ M, phường T, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Có mặt

Bị đơn: Nguyễn Văn T - sinh năm 1969;

Địa chỉ: tổ M, phường T, thành phố C, tỉnh Cao Bằng;

Hiện đang thụ hình tại Đội M, khu II Trại giam N, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 02/01/2019 và bản tự khai tại Tòa án bà Hứa Thị H (nguyên đơn) trình bày: bà xây dựng gia đình cùng ông Nguyễn Văn T từ ngày 05/4/1995, do đôi bên tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới ở cả hai bên gia đình và có kê khai đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã C (nay là thành phố C), tỉnh Cao Bằng.

Trong quá trình chung sống hoà thuận hạnh phúc được 5 năm, đến cuối năm 2000 đầu năm 2001 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Nguyễn Văn T nghiện hút ma túy và vi phạm pháp luật bị tòa xử phạt tù, bà đã làm đơn khởi kiện về việc xin ly hôn gửi ra tòa vào cuối năm 2002. Nhưng sau

khi mãn hạn tù, ông T quay về xin lỗi bà, bà đã chấp nhận quay lại đoàn tụ để xây dựng hạnh phúc gia đình. Tuy nhiên, từ sau khi quay về chung sống với nhau, ông T vẫn không thay đổi bản thân để trở thành người chồng, người cha có trách nhiệm với gia đình, vẫn tiếp tục nghiện hút, ỷ lại mọi công việc gia đình cho bà. Bà và gia đình, hàng xóm có khuyên bảo nhưng cuộc sống vợ chồng vẫn không có thay đổi và hàn gắn được; ông T đã bị xử phạt tù lần này đã là lần thứ tư, nên bà không có niềm tin vào sự thay đổi từ phía ông T để xây dựng và hàn gắn tình cảm gia đình. Với nguyên nhân này làm ảnh hưởng đến tâm lý và cuộc sống tình cảm của vợ chồng. Tại tòa, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu tòa án giải quyết các vấn đề cụ thể sau:

- Về quan hệ hôn nhân: bà yêu cầu xin ly hôn ông Nguyễn Văn T.
- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Hồng T - sinh ngày 01/12/1995.

Do con chung đã đủ tuổi trưởng thành, nên không đặt ra việc xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.
- Nợ chung: không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/6/2019 bị đơn Nguyễn Văn T trình bày: ông xây dựng gia đình cùng bà Hứa Thị H từ năm 1995, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện có được tìm hiểu, có kê khai đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã C (nay là thành phố C) tỉnh Cao Bằng và có tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình. Quá trình chung sống hòa thuận hạnh phúc không xảy ra mâu thuẫn gì. Đến tháng 3 năm 2018 do ông bị bắt giữ và bị Tòa án xử phạt về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy thì vợ chồng mới phát sinh mâu thuẫn. Quá trình ông đi chấp hành hình phạt tù, bà H không đến thăm ông lần nào. Nay bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn và có yêu cầu xin được ly hôn, ông cũng nhất trí theo yêu cầu của bà H.

Về con chung: vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Hồng T - sinh ngày 01/12/1995. Do con chung đã đủ tuổi trưởng thành, nên không đặt ra việc xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: có 01 nhà xây trên diện tích đất 150m² tại tổ M, phường T, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Ông không yêu cầu tòa án giải quyết.

Các khoản nợ chung: không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng phát biểu quan điểm: qua nghiên cứu toàn bộ hồ sơ vụ án, qua giám sát việc tuân theo pháp luật của thẩm phán và hội đồng xét xử thấy rằng: từ khi nhận đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đ-ơng sự cũng đã thực hiện đúng đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ: khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 266 - Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Về quan hệ vợ chồng: chấp nhận yêu cầu của bà Hứa Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: không đặt ra việc xem xét giải quyết.

Các khoản nợ chung: không có.

Về tài sản chung: tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn yêu cầu của đương sự.

Về án phí: bà Hứa Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Đề nghị hội đồng xét xử ra một bản án đúng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ-ợc thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: nguyên đơn bà Hứa Thị H khởi kiện ông Nguyễn Văn T về việc xin ly hôn; các bên đương sự có địa chỉ tại tổ M, phường T, thành phố C, tỉnh Cao Bằng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, nên tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Do ông Nguyễn Văn T đang thụ hình án tại Đội M, khu II Trại giam N, tỉnh Bắc Giang nên không thể có mặt tại Tòa án và đã có ý kiến nhất trí đề Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227- Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án: bà Hứa Thị H và ông Nguyễn Văn T kết hôn từ tháng 4/1995 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương, có kê khai đăng ký hôn tại Ủy ban nhân phường T, thị xã C, tỉnh Cao Bằng (nay là thành phố C, tỉnh Cao Bằng). Do vậy, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp và đ-ợc pháp luật công nhận.

Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc được 5 năm, đến cuối năm 2000 đầu năm 2001 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Nguyễn Văn T có tính ỷ lại, không lo làm ăn và chăm sóc gia đình, bản thân nghiện hút ma túy, vi phạm pháp luật, đã bị tòa xử phạt tù nhiều lần nhưng không thay đổi cách sống. Cuối năm 2002, bà H đã làm đơn khởi kiện về việc xin ly hôn gửi ra tòa và được tòa án giải quyết ly hôn. Nhưng sau khi mãn hạn tù, ông T quay về xin lỗi bà H; bà H đã chấp nhận quay lại đoàn tụ để xây dựng hạnh phúc gia đình. Tuy nhiên, từ sau khi quay về chung sống với nhau, ông T vẫn không thay đổi bản thân để trở thành người chồng, người cha có trách nhiệm với gia đình, mà vẫn tiếp tục nghiện hút, để rồi bị Tòa án xử

phạt tù về hành vi vi phạm pháp luật. Mọi công việc gia đình đều do bà H tự lo lắng và quán xuyến. Bà H đã nhiều lần cùng gia đình, hàng xóm khuyên bảo ông T tự quyết tâm thay đổi chính mình để xây dựng hạnh phúc, nhưng ông T vẫn không có thay đổi và không có trách nhiệm gì với gia đình, ngày càng lao sâu vào con đường nghiện, hút và tiếp tục bị Tòa án xét xử về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Như vậy, ông T đã không làm tròn được trách nhiệm của mình là người chồng người cha, không quan tâm đến vợ con, chăm sóc gia đình.... gây ảnh hưởng tới cuộc sống chung của vợ chồng, làm cho bà H mất niềm tin, chỗ dựa về tinh thần đối với người chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa hôm nay, bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn. Việc bà H có yêu cầu xin ly hôn phù hợp với khoản 1 Điều 56 - Luật hôn nhân và gia đình nên Tòa án cần chấp nhận việc yêu cầu xin ly hôn của bà Hứa Thị H đối với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Nguyễn Hồng T - sinh ngày 01/12/1995 đã tuổi trưởng thành nên không đặt ra việc xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn yêu cầu.

Về án phí: bà Hứa Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Khoản 1 Điều 56 - Luật hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hứa Thị H được ly hôn ông Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: không đặt ra việc xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn yêu cầu.

4. Về án phí: bà Hứa Thị H phải chịu án sơ thẩm dân sự là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) để sung công quỹ nhà n-ớc. Nhưng được trừ vào số tiền bà Hạnh đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2018/0000332 ngày 23/01/2019. Bà Hứa Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn bà Hứa Thị H, báo cho bà biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng

mặt bị đơn Nguyễn Văn T, báo cho ông T biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bế Lan Phương